TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2020
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm

2. Ông Hà Minh Tấn

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Bùi Văn L, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp 2A, xã Xuân B, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: bà Đặng Thị N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp Kênh Văn Phòng, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An

(Ông L có mặt tại phiên tòa. Bà N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 16 tháng 4 năm 2020, nguyên đơn Bùi Văn L trình bày:

Ông và bà Đặng Thị N có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân B, huyện Xuân L,

tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/11/2009. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông và bà N đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N .

Về con chung: ông và bà N có 01 con chung tên Bùi Đặng Minh D, sinh ngày 26/8/2012. Con chung hiện nay do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đặng Thị N vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Bùi Văn L với bị đơn Đặng Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Đặng Thị N vắng mặt không lý do. Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt. Bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Bà N cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Lvà bà N chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân B, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, ông Ltrình bày trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Năm 2012, ông Lvà bà N đã ly thân, sau đó quay về tiếp tục chung sống với nhau nhưng vợ chồng cũng không hòa hợp tính tình nên thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 2016, ông Lvà bà N tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Khi ly thân, bà N đưa con về quê tại xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An sinh sống; còn ông Lcư trú và sinh sống tại xã Xuân B, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong suốt thời gian ly thân, ông Lvà bà N không có thiện chí và giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng bà N không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông L. Tại phiên tòa, ông L không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của ông Lvà bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, ông Lđược ly hôn với bà N .

Về con chung: ông Lvà bà N có 01 con chung tên Bùi Đặng Minh D, sinh ngày 26/8/2012. Con chung hiện nay do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông Lđồng ý giao con chung cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, bà N không cung cấp ý kiến tranh chấp về nuôi con chung, về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận ý kiến của ông Lvề việc giao con chung cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Ltrình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N không có ý kiến tranh chấp về tài sản chung, nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: ông L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L.

Ông Bùi Văn L được ly hôn với bà Đặng Thị N.

Về con chung: ông Bùi Văn L đồng ý giao cho bà Đặng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đặng Minh D, sinh ngày 26/8/2012.

Ông Bùi Văn L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: ông Bùi Văn L có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Lđã nộp theo biên lai thu số 0000881 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang án phí, ông L không phải nộp thêm. Bà Đặng Thị N không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Nguyễn Phương Chi